đó chẳng qua chỉ là những mầu sắc khác nhau của cái chủ nghĩa dân tộc và sô-vanh tư sản ghê tởm, kẻ thù không đội trời chung của tự do!

"Sự thật", số 74,
ngày 29 tháng Ba 1913
Ký tên: V. I.

Theo đúng bản đăng
trên báo "Sự thật"

BA NGUỒN GỐC VÀ BA BỘ PHẬN CẤU THÀNH CỦA CHỦ NGHĨA MÁC[23]

Trong toàn thế giới văn minh, học thuyết của Mác đã gây ra sự cừu địch mạnh nhất và lòng căm thù trong toàn thế giới khoa học tư sản (quan phương cũng như của phái tự do), giới khoa học này coi chủ nghĩa Mác như một cái gì thuộc loại "bè phái có hại". Không thể trông mong có một thái độ nào khác thế được, vì trong một xã hội xây dựng trên đấu tranh giai cấp thì không thể có một khoa học xã hội "vô tư" được. *Toàn bộ* khoa học quan phương và của phái tự do, đều *bênh vực* bằng cách này hay cách khác chế độ nô lệ làm thuê, còn chủ nghĩa Mác thì tuyên chiến quyết liệt với chế độ nô lệ ấy. Mong đợi một khoa học vô tư trong một xã hội xây dựng trên chế độ nô lệ làm thuê là một sự ngây thơ khờ khạo không khác gì mong đợi các chủ xưởng tỏ ra vô tư trong vấn đề xem có nên bớt lợi nhuận của tư bản để tăng tiền công cho công nhân không.

Nhưng chưa phải thế là hết. Lịch sử triết học và lịch sử khoa học xã hội chứng tỏ hết sức rõ rằng chủ nghĩa Mác không có gì giống "chủ nghĩa bè phái" hiểu theo nghĩa một học thuyết đóng kín và cứng nhắc, nảy sinh *ở ngoài* con đường phát triển vĩ đại của văn minh thế giới. Trái lại, toàn bộ thiên tài của Mác chính là ở chỗ ông đã giải đáp được những vấn đề mà tư tưởng tiên tiến của nhân loại đã nêu ra. Học thuyết của ông ra đời là *sự thừa kế* thẳng và trực tiếp những học thuyết của các đại biểu xuất

sắc nhất trong triết học, trong kinh tế chính trị học và trong chủ nghĩa xã hội.

Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác. Nó là một học thuyết hoàn bị và chặt chẽ; nó cung cấp cho người ta một thế giới quan hoàn chỉnh, không thỏa hiệp với bất cứ một sự mê tín nào, một thế lực phản động nào, một hành vi nào bảo vệ sự áp bức của tư sản. Nó là người thừa kế chính đáng của tất cả những cái tốt đẹp nhất mà loài người đã tạo ra hồi thế kỷ XIX, đó là triết học Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp.

Chúng ta sẽ nói vắn tắt qua về ba nguồn gốc đó và đồng thời về ba bộ phận cấu thành đó của chủ nghĩa Mác.

I

Triết học của chủ nghĩa Mác là *chủ nghĩa duy vật.* Trong suốt cả lịch sử hiện đại của châu Âu và nhất là vào cuối thế kỷ XVIII, ở nước Pháp, nơi đã diễn ra một cuộc quyết chiến chống tất cả những rác rưởi của thời trung cổ, chống chế độ phong kiến trong các thiết chế và tư tưởng, chỉ có chủ nghĩa duy vật là triết học duy nhất triệt để, trung thành với tất cả mọi học thuyết của khoa học tự nhiên, thù địch với mê tín, với thói đạo đức giả, v.v., Cho nên, kẻ thù của phái dân chủ hết sức tìm cách "bác bỏ", phá hoại, vu cáo chủ nghĩa duy vật, chúng bênh vực các loại chủ nghĩa duy tâm triết học là chủ nghĩa, bằng cách này hay cách khác, tựu trung bao giờ cũng vẫn bênh vực hay ủng hộ tôn giáo.

Mác và Ăng-ghen hết sức kiên quyết bênh vực chủ nghĩa duy vật triết học và đã nhiều lần vạch rõ rằng mọi thiên hướng xa rời nền tảng ấy là vô cùng sai lầm. Quan điểm của hai ông trình bày hết sức rõ và tỉ mỉ trong những tác phẩm của Ăng-ghen: "Lút-vích Phơ-bách" và "Chống Đuy-

ПРОСВѢЩЕНІЕ

Ежемѣсячный журналъ.

№ 3.

Мартъ.

СПБ. 1913 годъ.

Trang bìa tạp chí «Giáo dục», số 3, tháng Ba 1913; trong đó có in bài của V. I. Lê-nin: «Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác»
Ảnh thu nhỏ

rinh", những sách này cũng như "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"[24], đều là những sách gối đầu giường của mọi công nhân giác ngộ.

Nhưng Mác không dừng lại ở chủ nghĩa duy vật của thế kỷ XVIII, ông còn đẩy triết học tiến lên nữa. Ông làm cho triết học thêm phong phú với những thành quả của triết học cổ điển Đức và nhất là của hệ thống triết học Hê-ghen, hệ thống này chính nó lại đưa tới chủ nghĩa duy vật của Phơ-bách. Trong số những thành quả đó thì thành quả chủ yếu là *phép biện chứng,* tức là học thuyết về sự phát triển, dưới hình thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiến diện, học thuyết về tính tương đối của nhận thức của con người, nhận thức này phản ánh vật chất luôn luôn phát triển không ngừng. Những phát hiện mới đây của khoa học tự nhiên - như ra-đi, điện tử, luật biến hóa của nguyên tố- đều xác nhận một cách tuyệt diệu chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác, bất chấp những học thuyết của các nhà triết học tư sản và bất chấp việc họ "lại" quay về với chủ nghĩa duy tâm thối nát trước kia.

Trong khi nghiên cứu sâu và phát triển chủ nghĩa duy vật triết học, Mác đã đưa học thuyết đó tới chỗ hoàn bị và mở rộng học thuyết ấy từ chỗ nhận thức giới tự nhiên đến chỗ nhận thức *xã hội loài người. Chủ nghĩa duy vật lịch sử* của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Một lý luận khoa học hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ đã thay cho sự lộn xộn và sự tùy tiện, vẫn ngự trị từ trước đến nay trong các quan niệm về lịch sử và chính trị; lý luận đó chỉ cho ta thấy rằng, do chỗ lực lượng sản xuất lớn lên, thì từ một hình thức tổ chức đời sống xã hội này, nảy ra và phát triển lên như thế nào một hình thức tổ chức đời sống xã hội khác, cao hơn; chẳng hạn, chủ nghĩa tư bản đã nảy sinh ra như thế nào từ chế độ phong kiến.

Nhận thức của con người phản ánh giới tự nhiên đang tồn tại độc lập đối với con người, nghĩa là phản ánh vật

chất đang phát triển, thì *sự nhận thức xã hội* của con người (nghĩa là các thứ quan điểm và học thuyết về triết học, tôn giáo, chính trị, v.v.) cũng thế, nó phản ánh *chế độ kinh tế* của xã hội. Các thiết chế chính trị đều là kiến trúc thượng tầng, xây dựng trên một cơ sở kinh tế. Chúng ta thấy, chẳng hạn, những chính thể khác nhau của các nước hiện đại ở châu Âu đều được dùng để củng cố sự thống trị của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản như thế nào.

Triết học của Mác là một chủ nghĩa duy vật triết học hoàn bị, nó cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân những công cụ nhận thức vĩ đại.

II

Sau khi nhận thấy rằng chế độ kinh tế là cơ sở trên đó kiến trúc thượng tầng chính trị được xây dựng lên, Mác chú ý nhất đến việc nghiên cứu chế độ kinh tế ấy. Mác dành riêng tác phẩm chính của mình là bộ "Tư bản" để nghiên cứu chế độ kinh tế của xã hội hiện đại, nghĩa là xã hội tư bản chủ nghĩa.

Khoa kinh tế chính trị cổ điển trước Mác hình thành ở Anh là nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất. A-đam Xmít và Đa-vít Ri-các-đô, nghiên cứu chế độ kinh tế, đã mở đầu *học thuyết lao động về giá trị*. Mác tiếp tục sự nghiệp của hai nhà kinh tế học đó. Ông đã luận chứng lý luận đó một cách chặt chẽ và phát triển lý luận đó một cách triệt để. Ông chỉ cho ta thấy rằng giá trị của mọi hàng hóa là do số lượng thời gian lao động xã hội tất yếu để sản xuất ra hàng hóa ấy, quyết định.

Phàm ở chỗ nào các nhà kinh tế học tư sản nhìn thấy quan hệ giữa vật với vật (hàng hóa này đổi lấy hàng hóa khác), thì ở chỗ đó, Mác đã tìm thấy *quan hệ giữa người với người*. Sự trao đổi hàng hóa thể hiện mối liên hệ giữa những người sản xuất riêng lẻ với nhau, do thị trường

làm trung gian. *Tiền tệ* nói lên rằng mối liên hệ ấy ngày càng thêm chặt chẽ, gắn bó khăng khít toàn bộ sinh hoạt kinh tế của những người sản xuất riêng lẻ thành một chỉnh thể duy nhất. *Tư bản* nói lên mối liên hệ ấy tiếp tục phát triển hơn nữa: sức lao động của con người trở thành hàng hóa. Người công nhân làm thuê bán sức lao động của mình cho người chủ ruộng đất, chủ công xưởng, chủ công cụ lao động. Công nhân dùng một phần ngày lao động để trang trải các chi phí nuôi thân và nuôi gia đình mình (tiền công); còn phần kia thì làm công không, tạo ra *giá trị thặng dư* cho nhà tư bản, đó là nguồn lợi nhuận, nguồn giàu có của giai cấp các nhà tư bản.

Học thuyết giá trị thặng dư là viên đá tảng của học thuyết kinh tế của Mác.

Tư bản, do lao động của công nhân tạo ra, đè nặng lên người công nhân, làm phá sản các tiểu chủ và tạo ra một đạo quân thất nghiệp. Trong công nghiệp, thắng lợi của đại sản xuất thì thấy rõ được ngay, nhưng cả trong nông nghiệp chúng ta cũng thấy một hiện tượng tương tự như thế: ưu thế của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa đại quy mô tăng thêm, việc dùng máy móc ngày càng phát triển, kinh tế nông dân bị siết chặt trong sợi dây thòng lọng của tư bản tiền tệ, bị suy vong và phá sản vì kỹ thuật lạc hậu của mình. Trong nông nghiệp, nền sản xuất nhỏ có những hình thức suy vong khác, nhưng chính sự suy vong của nền sản xuất này là một sự thật không thể bàn cãi được.

Nhờ đánh bại sản xuất nhỏ, tư bản đưa đến chỗ nâng cao năng suất lao động và tạo ra địa vị độc quyền cho những liên minh của các nhà tư bản cực lớn. Bản thân sản xuất ngày càng được xã hội hóa, - hàng chục vạn và hàng triệu công nhân gắn chặt với nhau thành một cơ thể kinh tế có kế hoạch, - nhưng sản phẩm của lao động chung thì lại do một nhúm nhà tư bản chiếm hữu. Tình trạng vô chính phủ trong sản xuất ngày càng tăng; các cuộc khủng hoảng,

cuộc chạy đua điên cuồng để giành thị trường, và đời sống quần chúng nhân dân không được đảm bảo.

Làm cho công nhân ngày càng lệ thuộc vào tư bản, chế độ tư bản chủ nghĩa tạo ra sức mạnh to lớn của lao động liên hợp.

Mác đã theo dõi quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, từ những mầm mống đầu tiên của kinh tế hàng hóa, tức là từ trao đổi giản đơn, cho đến những hình thức cao nhất của nó, cho đến đại sản xuất.

Và kinh nghiệm của tất cả các nước tư bản chủ nghĩa cũ cũng như mới, đều chứng tỏ rõ ràng cho một số công nhân ngày càng đông thấy rằng học thuyết ấy của Mác là đúng.

Chủ nghĩa tư bản đã thắng trên toàn thế giới, nhưng thắng lợi ấy chẳng qua chỉ là sự giáo đầu của thắng lợi của lao động đối với tư bản mà thôi.

III

Khi chế độ phong kiến bị lật đổ và khi xã hội tư bản chủ nghĩa "*tự do*" đã ra đời, thì người ta thấy rõ ngay sự tự do ấy có nghĩa là một chế độ áp bức và bóc lột mới đối với người lao động. Ngay sau đó, các loại học thuyết xã hội chủ nghĩa bắt đầu mọc ra, với tư cách là sự phản ánh và sự phản đối tình trạng áp bức ấy. Nhưng chủ nghĩa xã hội nguyên thủy là một thứ chủ nghĩa xã hội *không tưởng.* Nó phê phán, kết tội và nguyền rủa xã hội tư bản chủ nghĩa; nó mơ ước xóa bỏ xã hội này và tưởng tượng ra một chế độ tốt đẹp hơn; nó tìm cách thuyết phục những người giàu để họ thấy rằng bóc lột là không đạo đức.

Nhưng chủ nghĩa xã hội không tưởng không thể vạch ra được một lối thoát thực sự. Nó không giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê trong chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng không phát hiện ra được những quy luật phát triển của chế độ tư bản chủ nghĩa và cũng không tìm thấy

lực lượng xã hội có khả năng trở thành người sáng tạo xã hội mới.

Tuy nhiên, ở khắp châu Âu và nhất là ở Pháp, những cuộc cách mạng mãnh liệt đi liền với sự sụp đổ của chế độ phong kiến, của chế độ nông nô đã chứng tỏ ngày càng rõ ràng rằng *đấu tranh giai cấp* là cơ sở và là động lực của toàn bộ quá trình phát triển.

Không có một thắng lợi nào của quyền tự do chính trị giành được từ trong tay giai cấp bọn phong kiến mà lại không gặp sự phản kháng quyết liệt. Không một nước tư bản chủ nghĩa nào được thành lập trên một cơ sở ít nhiều tự do, dân chủ mà lại không có đấu tranh sống mái giữa các giai cấp khác nhau trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Thiên tài của Mác là ở chỗ ông là người đầu tiên đã từ đó rút ra và triệt để thực hiện cái kết luận do lịch sử toàn thế giới chỉ ra. Kết luận đó là học thuyết *đấu tranh giai cấp.*

Chừng nào người ta chưa biết phân biệt được *lợi ích* của giai cấp này hay của giai cấp khác, ẩn đằng sau bất kỳ những câu nói, những lời tuyên bố và những lời hứa hẹn nào có tính chất đạo đức, tôn giáo, chính trị và xã hội, thì trước sau bao giờ người ta cũng vẫn là kẻ ngốc nghếch bị người khác lừa bịp và tự lừa bịp mình về chính trị. Những kẻ chủ trương cải cách và cải thiện sẽ còn bị bọn bênh vực cái cũ lừa bịp mãi, chừng nào họ chưa biết rằng mọi thiết chế cũ, dầu dã man và thối nát đến đâu, cũng đều được lực lượng của giai cấp thống trị này hay giai cấp thống trị khác ủng hộ. Và muốn đập tan sự phản kháng của những giai cấp ấy, thì *chỉ có một* cách là: tìm ra ngay trong xã hội xung quanh chúng ta, giáo dục và tổ chức để đấu tranh, những lực lượng có thể trở thành - và do địa vị xã hội của những lực lượng đó mà *phải* trở thành - lực lượng có khả năng quét sạch cái cũ và tạo ra cái mới.

Chỉ có chủ nghĩa duy vật triết học của Mác là đã chỉ cho giai cấp vô sản con đường phải theo để thoát khỏi chế độ

nô lệ về tinh thần, trong đó tất cả các giai cấp bị áp bức đã sống lay lắt từ trước tới nay. Chỉ có học thuyết kinh tế của Mác là đã giải thích được địa vị thực sự của giai cấp vô sản trong toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trên toàn thế giới, kể từ châu Mỹ đến Nhật, từ Thụy-điển đến Nam Phi, những tổ chức độc lập của giai cấp vô sản đang ngày càng tăng thêm nhiều. Trong khi tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp, giai cấp vô sản tự giáo dục và bồi dưỡng; họ thoát khỏi những thiên kiến của xã hội tư sản và đoàn kết với nhau ngày càng chặt chẽ hơn, họ biết đánh giá những thành tích của họ, họ tôi luyện lực lượng của mình và lớn dần lên không gì ngăn nổi.

"Giáo dục", số 3,
tháng Ba 1913
Ký tên: V. I.

Theo đúng bản đăng trên
tạp chí "Giáo dục"

1.

Разговоръ.

Первый посторонний. Я наблюдаю, как могу внимательнее, борьбу среди рабочих из-за „шестерки" и „семерки". Стараюсь следить за обеими газетами. Сопоставляю, но [illegible], отзывы буржуазной и черной печати. ... И знаете-ли, что? Мне кажется, что борьба принимает уродливые формы, что она вырождается в склоку, в дрязги, что результатом будет во всяком случае громадная деморализация.

Второй посторонний. Ничего не понимаю. Где же видана на свете борьба из-за чего-либо серьезного, которая бы не принимала уродливых форм? Именно потому, что борьбой

Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin
«Một cuộc đối thoại». — 1913
Ảnh thu nhỏ